

Công ty Cổ phần Mía Đường
Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo tài chính riêng
Quý 1 niên độ 01/07/2017 đến 30/06/2018

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995
Giấy chứng nhận Đầu tư số 451031000014 ngày 23 tháng 3 năm 2007
Giấy phép đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh lần thứ mười lăm, lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 1452161036 ngày 04 tháng 04 năm 2017. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Giấy chứng nhận ĐKDN Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được đã được đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 09 năm 2017.
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và các điều chỉnh do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hoa	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Lê Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch
Bà Đặng Huỳnh Úc My	Thành viên
Ông Henry Chung	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Tổng Giám đốc
Bà Trần Quế Trang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Hùng	Phó Tổng giám đốc (Đến ngày 01/07/2017) Giám đốc Phát triển Nguyên liệu vùng 2 (Từ 01/07/2017 đến 01/09/2017)
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Tổng giám đốc (Từ ngày 01/07/2017)
Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 07/07/2017)
Ông Nguyễn Thành Khiêm	Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 07/07/2017)
Ông Lê Đức Tồn	Giám Đốc Nhà Máy
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám Đốc Khối Tài chính- Kế toán
Ông Trang Thanh Trúc	Giám đốc Đối Ngoại

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thông tin về Công ty

	Bà Hồ Nguyễn Duy Khương	Giám đốc khối Hỗ trợ
	Ông Huỳnh Văn Pháp	Giám đốc Kinh Doanh
	Ông Thái Bá Hòa	Giám đốc Nguyên Liệu (Đến ngày 01/07/2017)
	Ông Lê Huy Thành	Giám đốc Khối Nông nghiệp kiêm Giám đốc Phát triển Vùng 1 (Từ 01/07/2017)
	Ông Nguyễn Trọng Hoà	Giám đốc Phát triển Nguyên liệu Vùng 3 (Từ 01/07/2017)
	Ông Nguyễn Tiến Cường	Giám đốc Kỹ thuật Sản xuất phụ trách khu vực Miền Trung (Từ 01/09/2017)
	Ông Trần Huy Hào	Giám đốc Điều hành Trung tâm Thương mại TTC Plaza Tây Ninh (Từ 01/09/2017)
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng Ban Kiểm soát
	Ông Huỳnh Thành Nhân	Thành viên
	Bà Phạm Ngọc Thanh Mai	Thành viên
Kế Toán Trưởng	Ông Lê Phát Tín	Kế toán trưởng
Trụ sở đăng ký	Xã Tân Hưng Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH E&Y Việt Nam	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018

Mẫu B 01a – DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	30/06/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100) = 110+120+130+140+150	100		3.490.276.458.623	3.241.680.231.688
Tiền	110	5	103.985.653.598	62.187.577.074
Tiền	111	5	103.985.653.598	62.187.577.074
Các khoản tương đương tiền	112	5	-	
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	13	88.248.122.975	67.736.224.925
Đầu tư ngắn hạn	121	13	88.522.462.897	69.379.966.906
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	13	(274.339.922)	(1.643.741.981)
Các khoản phải thu	130	6	2.123.082.281.972	1.323.782.479.290
Phải thu của khách hàng	131	6	847.122.701.643	495.859.975.929
Trả trước cho người bán	132	6	1.211.477.662.469	763.063.021.070
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		15.000.000.000	15.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	85.664.037.621	88.352.460.694
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(36.182.119.761)	(38.492.978.403)
Hàng tồn kho	140	7	992.749.743.689	1.659.685.225.883
Hàng tồn kho	141	7	994.039.956.264	1.660.975.438.458
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	7	(1.290.212.575)	(1.290.212.575)
Tài sản ngắn hạn khác	150		182.210.656.389	128.288.724.516
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	114.556.278.282	60.634.346.409
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	19	67.654.378.107	67.654.378.107
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		12.629.490.107.149	3.480.477.637.716

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018

Mẫu B 01a – DN

Các khoản phải thu dài hạn	210		147.455.863.136	182.797.313.605
Trả trước cho người bán dài hạn	212		22.667.393.705	22.658.393.705
Phải thu dài hạn khác	216	6	124.788.469.431	160.138.919.900
Tài sản cố định	220		552.409.401.940	570.054.210.145
Tài sản cố định hữu hình	221	9	408.345.800.047	424.629.317.727
Nguyên giá	222	9	1.890.762.657.699	1.881.475.983.062
Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223	9	(1.482.416.857.652)	(1.456.846.665.335)
Tài sản cố định vô hình	227	10	144.063.601.893	145.424.892.418
Nguyên giá	228	10	160.984.063.181	160.984.063.181
Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229	10	(16.920.461.288)	(15.559.170.763)
Bất động sản đầu tư	230	12	129.873.985.392	131.118.256.994
Nguyên giá	231	12	138.061.019.789	138.061.019.789
Giá trị hao mòn lũy kế(*)	232	12	(8.187.034.397)	(6.942.762.795)
Tài sản dở dang dài hạn	240	11	64.113.169.923	45.691.373.486
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		11	64.113.169.923	45.691.373.486
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	11.664.970.518.303	2.514.826.747.091
Đầu tư vào công ty con	251	13	10.324.690.776.100	1.118.629.504.600
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	1.342.740.319.375	1.397.740.319.375
Đầu tư dài hạn khác	253	13	770.062.387	770.062.387
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn(*)	254	13	(3.230.639.559)	(2.313.139.271)
Tài sản dài hạn khác	260		70.667.168.455	35.989.736.395
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	70.331.696.432	35.654.264.372
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			335.472.023	335.472.023
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		16.119.766.565.772	6.722.157.869.404

NGUỒN VỐN

NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.756.476.916.195	3.642.057.360.664
Nợ ngắn hạn	310		2.543.687.515.513	2.442.974.515.264
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	95.950.222.581	123.294.298.086
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	26.584.384.209	17.233.298.345
Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	313	19	31.409.438.584	12.541.880.373
Phải trả công nhân viên	314	20	1.505.047.052	6.410.407.347
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	76.526.766.741	39.803.523.151
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.916.050.497	3.466.732.320
Các phải trả ngắn hạn khác	319	21	5.502.203.115	4.995.267.539
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	2.290.951.566.884	2.223.270.638.025
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	10.341.835.850	11.958.470.078
Nợ dài hạn	330		1.212.789.400.682	1.199.082.845.400
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	22.174.556.254	15.600.295.440
Phải trả dài hạn khác	337		6.173.067.960	6.153.067.960
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	1.184.441.776.468	1.177.329.482.000
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		12.363.289.649.577	3.080.100.508.740
Vốn chủ sở hữu	410	24	12.363.289.649.577	3.080.100.508.740
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	24	5.570.186.730.000	2.531.882.680.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a	24	5.570.186.730.000	2.531.882.680.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	24	6.243.045.915.565	75.894.194.065
Cổ phiếu quỹ	415	24		-
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	39.217.460.174	39.217.460.174
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	510.839.543.838	433.106.174.501
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a	24	433.106.174.501	126.643.961.605
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b	24	77.733.369.337	306.462.212.896
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	430		16.119.766.565.772	6.722.157.869.404

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018

Mẫu B 01a – DN

Lập bảng



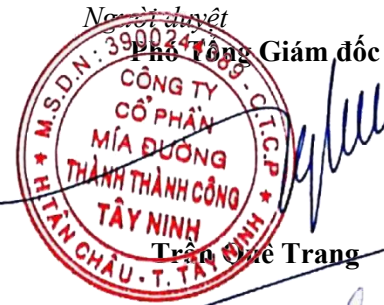
Đặng Thị Diễm Trinh

Kế Toán Trưởng



Lê Phát Tín

Ngày 06 tháng 11 năm 2017



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh - Quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09		Luỹ kế từ đầu niên độ	
			Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	1,026,817,840,077	842,540,809,289	1,026,817,840,077	842,540,809,289
2. Các khoản giảm trừ	03	28	945,711,140	24,641,775	945,711,140	24,641,775
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 03)	10		1,025,872,128,937	842,516,167,514	1,025,872,128,937	842,516,167,514
4. Giá vốn hàng bán	11	29	924,338,212,518	719,719,970,124	924,338,212,518	719,719,970,124
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	20		101,533,916,419	122,796,197,390	101,533,916,419	122,796,197,390
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	98,716,408,925	76,997,870,774	98,716,408,925	76,997,870,774
7. Chi phí tài chính	22	33	68,982,154,582	46,788,370,833	68,982,154,582	46,788,370,833
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		<i>62,005,830,851</i>	<i>40,177,811,707</i>	<i>62,005,830,851</i>	<i>40,177,811,707</i>
8. Chi phí bán hàng	24	30	16,327,829,877	10,009,974,129	16,327,829,877	10,009,974,129
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	31	19,320,119,815	26,963,869,727	19,320,119,815	26,963,869,727
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		95,620,221,070	116,031,853,475	95,620,221,070	116,031,853,475
11. Thu nhập khác	31		4,451,842,634	41,477,511	4,451,842,634	41,477,511
12. Chi phí khác	32		3,927,077,985	725,335,255	3,927,077,985	725,335,255
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		524,764,649	(683,857,744)	524,764,649	(683,857,744)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		96,144,985,719	115,347,995,731	96,144,985,719	115,347,995,731
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	18,411,616,382	14,711,846,003	18,411,616,382	14,711,846,003
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		77,733,369,337	100,636,149,728	77,733,369,337	100,636,149,728

Lập bảng



Đặng Thị Diễm Trinh

Kế Toán Trưởng



Lê Phát Tín

Phó Tổng Giám Đốc



Trần Quốc Trang

Ngày 06 tháng 11 năm 2017

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (phương pháp gián tiếp) - Quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017
đến 30/06/2018

	Mã số	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	1	96.144.985.719	115.347.995.731
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	2	28.175.754.444	25.003.135.306
Các khoản dự phòng	3	(2.762.760.413)	5.316.667.667
(Lãi) / Lỗ CLTG hối đoái chưa thực hiện	4	699.294.087	(196.005.697)
Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(98.154.661.922)	(76.200.414.135)
Chi phí lãi vay	6	(62.005.830.851)	40.177.811.707
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	8	(37.903.218.936)	109.449.190.579
Biến động các khoản phải thu	9	(668.553.572.006)	(381.860.997.511)
Biến động hàng tồn kho	10	666.935.482.194	476.690.672.774
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	121.620.331.616	(78.325.884.604)
Biến động chi phí trả trước	12	(88.599.363.933)	(41.059.553.086)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(19.142.495.991)	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(26.749.017.722)	(20.580.683.621)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.745.886.559)	(7.849.822.749)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.616.634.228)	(10.250.296.026)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(63.754.375.565)	46.212.625.756

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (phương pháp gián tiếp) - Quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017
đến 30/06/2018

	Mã số	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(27.543.125.015)	(18.377.909.098)
Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(90.000.000.000)
Tiền chi cho vay đơn vị khác	23	-	(200.000.000.000)
Tiền thu cho vay từ đơn vị khác	24	-	204.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(402.495.280.000)
Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	55.000.000.000	227.380.722.541
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.226.156.398	14.852.282.589
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	31.683.031.383	(264.640.183.968)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	31	-	107.097.422.535
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	1.267.926.098.910	1.299.691.111.932
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.194.050.272.600)	(1.601.676.334.874)
Tiền chi trả cổ tức	36	(6.363.100)	(38.838.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	73.869.463.210	(194.926.638.607)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	41.798.119.028	(413.354.196.819)
Tiền đầu năm	60	62.187.577.074	558.391.859.290
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(42.504)	(32.440.517)

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (phương pháp gián tiếp) - Quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017
đến 30/06/2018

Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)

70

103.985.653.598

145.005.221.954

Lập bảng



Đặng Thị Diễm Trinh

Kế Toán Trưởng



Lê Phát Tín

Ngày 06 tháng 11 năm 2017



Trần Quốc Trang



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018

Mẫu B 09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở, đầu tư tài chính thông qua các hoạt động: đầu tư vốn vào các công ty cùng ngành và các đối tác chiến lược, đầu tư vốn vào lĩnh vực bất động sản, mua bán chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai); chế biến và bảo quản rau quả (chế biến hàng nông sản); bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa và mủ cao su)); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; truyền tải và phân phối điện.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017, Công ty có 548 nhân viên (ngày 30 tháng 09 năm 2016: 501 nhân viên)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Công ty và chưa hợp nhất với báo cáo tài chính của công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn, nếu có, trong báo cáo tài chính. Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất trong đó báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất được phát hành riêng biệt.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Năm 2013 trở về trước. kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Từ năm 2014, căn cứ theo nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2014. Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 của năm liền kề.

Theo đó:

Năm tài khóa áp dụng niên độ mới thì ngày bắt đầu là ngày 01 tháng 07 năm này và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- (i) Kể từ kỳ kế toán 01 tháng 07 năm 2015 đến 30 tháng 06 năm 2016. Công ty sẽ lập báo cáo tài chính theo thông tư 200/2014/TT/BTC.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Phần lợi nhuận được phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty nhận đầu tư phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Phần lợi nhuận phân phối từ các nguồn không phải là kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh sau ngày được Công ty mua lại được xem như là khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán là khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 5 – 30 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 2 – 20 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 6 năm |

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm
- khác 4 – 15 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí nâng cấp và cải tạo và được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí hoạt động cố định

Dự phòng chi phí hoạt động cố định liên quan đến các chi phí ước tính có thể phát sinh trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và các đánh giá hợp lý của Ban Giám đốc. Theo đó, các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong các báo cáo định kỳ.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(m) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được căn cứ theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính. Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được phản ánh là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Việc phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được căn cứ theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội Cổ đông hàng năm.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2017	30/06/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.024.087.417	1.898.153.954
Tiền gửi Ngân hàng	102.961.566.181	60.289.423.120
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.985.653.598	62.187.577.074

6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn:

Phải thu khách hàng:

	30/09/2017	30/06/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng:	509.577.891.316	342.225.610.999
Phải thu các bên liên quan	337.544.810.327	153.634.364.930
	847.122.701.643	495.859.975.929

Trả trước ngắn hạn bao gồm:

	30/09/2017	30/06/2017
	VND	VND
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	373.798.859.175	351.737.474.662
Trả trước ngắn hạn cho người bán	140.719.552.523	72.299.437.026
Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan	696.959.250.771	339.026.109.382
	1.211.477.662.469	763.063.021.070

Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất năm dao động từ 8% đến 13% trong kỳ. Các khoản ứng trước cho nông dân được thu hồi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày của từng đợt giải ngân.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/09/2017	30/06/2017
	VND	VND
Lãi phải thu	56.093.147.875	44.550.112.223
Tạm ứng nhân viên	12.031.745.310	13.074.585.316
Phải thu chi hộ Svayrieng	1.739.692.627	1.568.832.139
Phải thu công ty Hải Vi		
Ký cược, ký quỹ	1.087.096.000	1.087.096.000
Phải thu khác	7.423.516.914	7.433.572.121
Phải thu chuyển nhượng cổ phiếu	-	13.349.424.000
Phải thu cổ tức được chia	7.288.838.895	7.288.838.895
	85.664.037.621	88.352.460.694

Trong đó:

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	23.397.374.593	16.930.329.344
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	62.266.663.028	71.422.131.350

Phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/09/2017	30/06/2017
	VND	VND
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	22.667.393.705	22.658.393.705
Phải thu dài hạn dự án Svayrieng	12.707.425.000	12.707.425.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	112.081.044.431	147.431.494.900
	147.455.863.136	182.797.313.605

Trong đó:

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	12.707.425.000	12.707.425.000
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	134.748.438.136	170.089.888.605

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

7. Hàng tồn kho

	30/09/2017	30/06/2017
	VND	VND
Nguyên vật liệu	206.149.862.775	205.117.282.454
Công cụ và dụng cụ	681.348.767	545.297.612
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	47.294.369.279	37.815.300.158
Thành phẩm	671.067.297.283	1.349.843.235.768
Hàng hóa	68.847.078.160	65.745.124.814
Hàng gửi đi bán		1.909.197.652
	994.039.956.264	1.660.975.438.458
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.290.212.575)	(1.290.212.575)
	992.749.743.689	1.659.685.225.883

8. Chi phí trả trước:

Ngắn hạn

	30/09/2017	30/06/2017
	VND	VND
Chi phí chờ phân bổ đường	100.656.621.317	54.316.845.151
Khác	13.899.656.965	6.317.501.258
	114.556.278.282	60.634.346.409

Dài hạn

	30/09/2017	30/06/2017
	VND	VND
Tiền thuê đất trả trước	62.362.393.226	25.098.401.951
Khác	7.969.303.206	10.555.862.421
	70.331.696.432	35.654.264.372

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

9. Tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu niên độ	319.814.247.072	1.464.525.048.987	27.080.561.232	8.584.369.964	61.471.755.807	1.881.475.983.062
Tăng trong niên độ	1.509.619.773	9.915.303.045				11.424.922.818
Thanh lý			(2.138.248.181)			(2.138.248.181)
Số dư cuối kỳ	321.323.866.845	1.474.440.352.032	24.942.313.051	8.584.369.964	61.471.755.807	1.890.762.657.699
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu niên độ	184.608.879.538	1.193.360.654.036	14.392.679.253	5.888.999.393	58.595.453.115	1.456.846.665.335
Khấu hao trong niên độ	3.457.781.916	22.302.214.023	701.716.210	183.996.110	79.445.787	26.725.154.046
Giảm trong niên độ	(7.782.718)		(1.147.179.011)			(1.154.961.729)
Số dư cuối kỳ	188.058.878.736	1.215.662.868.059	13.947.216.452	6.072.995.503	58.674.898.902	1.482.416.857.652
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	135.205.367.534	271.164.394.951	12.687.881.979	2.695.370.571	2.876.302.692	424.629.317.727
Số dư cuối kỳ	133.264.988.109	258.777.483.973	10.995.096.599	2.511.374.461	2.796.856.905	408.345.800.047

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
 Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu niên độ	146.052.588.459	14.931.474.722	160.984.063.181
Tăng trong niên độ	-	-	-
Thanh lý	-	-	-
Số dư cuối kỳ	146.052.588.459	14.931.474.722	160.984.063.181
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu niên độ	8.886.205.537	6.672.965.226	15.559.170.763
Khấu hao trong niên độ	842.243.191	519.047.334	1.361.290.525
Số dư cuối kỳ	9.728.448.728	7.192.012.560	16.920.461.288
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	137.166.382.922	8.258.509.496	145.424.892.418
Số dư cuối kỳ	136.324.139.731	7.739.462.162	144.063.601.893

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn 30/09/2017 VND	Giai đoạn 30/06/2017 VND
Số dư đầu năm	45.691.373.486	117.580.128.491
Tăng trong kỳ	30.263.961.878	153.613.679.993
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(11.424.922.818)	(198.351.394.598)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình		(3.983.101.150)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(150.000.000)	(2.363.126.427)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(267.242.623)	(20.804.812.823)
Số dư cuối kỳ	64.113.169.923	45.691.373.486

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

12. Bất động sản đầu tư:

	Bất động sản đầu tư	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu niên độ	138.061.019.789	138.061.019.789
Tăng trong niên độ	-	-
Số dư cuối kỳ	138.061.019.789	138.061.019.789
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu niên độ	6.942.762.795	6.942.762.795
Khấu hao trong niên độ	1.244.271.602	1.244.271.602
Số dư cuối kỳ	8.187.034.397	8.187.034.397
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	131.118.256.994	131.118.256.994
Số dư cuối kỳ	129.873.985.392	129.873.985.392

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

13. Các khoản đầu tư dài hạn:

	30/09/2017			30/06/2017		
	Số lượng	% vốn sở hữu	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	VND
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty con						
• Cty CP SXTM Cồn Thành Thành Công (i)	18.900.000	90,00%	189.000.000.000	18.900.000	90,00%	189.000.000.000
• Cty TNHH 1 TV Thành Thành Công Gia Lai (ii)		100,00%	658.850.304.600		100,00%	658.850.304.600
• Công ty Tsu (iii)		94,94%	269.779.200.000		94,94%	269.779.200.000
• Công ty TNHH MTV Nước Míaqua (iv)		100,00%	1.000.000.000		100,00%	1.000.000.000
• Công ty TNHH MTV đường TTC Biên Hoà - Đồng Nai(v)		100,00%	9.206.061.271.500			-
			10.324.690.776.100			1.118.629.504.600
• Dự phòng đầu tư dài hạn			-			-
			10.324.690.776.100			1.118.629.504.600

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

- (i) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công (“TTCE”) được thành lập tại Việt Nam theo giấy phép Kinh doanh số 3901183393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28 tháng 03 năm 2014. Trụ sở chính của TTCE đặt tại Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan (bán si); sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía.
- (ii) Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai trước đây là Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai (“Đường Gia Lai”) được thành lập theo giấy phép đầu tư số 1950/GP ngày 18/7/1997 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Trụ sở chính đặt tại 561 Trần Hưng Đạo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai. Hoạt động chính của công ty là sản phẩm sau đường: mật ri, bánh kẹo, đồ uống; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Sản xuất phân bón; Trồng và đầu tư mía giống, mía nguyên liệu; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất cồn thực phẩm; Tư vấn, thiết kế kỹ thuật công nghệ lập dự án và quản lý sản xuất liên quan đến ngành đường và cồn thực phẩm; Chung, tinh cất, pha chế các loại rượu mạnh; Đầu tư tài chính.
- (iii) Công ty TNHH tư nhân Đầu tư TSU. Công ty là Kinh doanh thương mại và thực hiện một phần công đoạn sản xuất, đóng gói các sản phẩm đường, mua bán đường thô và đường tinh luyện trên thế giới; mua bán, kinh doanh đường tinh, thực hiện kinh doanh, ký quỹ, mua bán hàng nông sản....
- (iv) Công ty TNHH MTV Nước Miaqua được thành lập tại Việt Nam theo giấy phép Kinh doanh số 3901241327 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 27 tháng 04 năm 2017. Trụ sở chính của Miaqua đặt tại Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất Nước uống không cồn, nước khoáng, sản xuất chế biến nước ngọt, nước trái cây, sữa đậu nành, nước tinh khiết đóng chai.
- (v) Công ty TNHH MTV đường TTC Biên Hoà Đồng Nai trước đây là Công ty CP đường Biên Hoà được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600495818 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp. Trụ sở chính được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất và mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất và mua bán cồn; kinh doanh bất động sản và dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.....

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

	30/09/2017			30/06/2017		
	Số lượng	% vốn sở hữu	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	VND
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết:						
• Cty CP KCN Thành Thành Công (i)	19.000.000	38,00%	190.000.000.000	24.500.000	49,00%	245.000.000.000
• Cty CP Đường Nước Trong (ii)	1.389.302	23,95%	53.765.987.400	1.389.302	23,95%	53.765.987.400
• Cty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (iii)	3.157.920	20,10%	31.579.200.000	3.157.920	19,13%	31.579.200.000
• Cty CP NC & UD mía đường TTC (iv)	1.440.000	48,00%	15.120.000.000	1.440.000	48,00%	15.120.000.000
• Cty CP Mía đường Tây Ninh (v)	11.536.260	39,23%	117.669.852.000	11.536.260	39,23%	117.669.852.000
• Cty CP Xuất nhập khẩu Bến Tre (vi)	20.124.764	48,99%	402.495.280.000	20.124.764	48,99%	402.495.280.000,0000
• Cty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai (vii)	32.604.044	40,00%	532.109.999.975	32.604.044	40,00%	532.109.999.975,0000
			1.342.740.319.375			1.397.740.319.375
• Dự phòng đầu tư dài hạn			(2.460.577.172)			(1.543.076.884)
			1.340.279.742.203			1.396.197.242.491

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

- (i) Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Thành Thành Công (Trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa) (“TTCIZ”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của TTCIZ đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.
- (ii) Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (“Đường Nước Trong”) được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
- (iii) Công ty cổ phần công nghiệp hoá chất Tây Ninh (“Tanichem”). Giấy chứng nhận đầu tư số 45121000238 của Tanichem được cấp ngày 18 tháng 08 năm 2010, trụ sở chính tại Cụm Công Nghiệp Tân hội, ấp Hội An, xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh. Sản phẩm chính của công ty là các sản phẩm tinh bột, nước uống không cồn, nước khoáng, phân bón, hợp chất nito, thoát nước, xử lý nước, nông lâm sản, nguyên liệu. ...
- (iv) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (“Mía Đường Thành Thành Công” được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Trụ sở chính của Mía Đường Thành Thành Công đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía. Trong kỳ công ty đã mua thêm 720.000 cổ phiếu, nâng tỷ lệ nắm giữ lên 48%.
- (v) Công ty CP Mía đường Tây Ninh (“Mía đường Tây Ninh”) trước đây là Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 23 tháng 05 năm 2007. Trụ sở chính của Mía đường Tây Ninh đặt tại Số 19, đường Võ Thị Sáu, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Hoạt động chính của Công ty là trồng, chế biến, kinh doanh các sản phẩm ngành mía đường, khoai mì, cao su; sản xuất kinh doanh sản phẩm nhựa, gỗ, vật liệu xây dựng; chăn nuôi gia cầm, gia súc; kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính; kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu; kinh doanh vật tư và thiết bị phục vụ ngành mía đường, gỗ, cao su....
- (vi) Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Bến Tre “Xuất nhập khẩu Bến Tre” được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 1300104040 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 26 tháng 5 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Xuất nhập khẩu Bến Tre đặt tại số 75 Đường 30 tháng 4, Phường 3, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là Sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ dừa; hàng nông sản; gia công xuất khẩu; dịch vụ du lịch và đầu tư tài chính.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng- quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

- (vii) Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu (trước đây là Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai) được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900764381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai ngày 26 tháng 01 năm 2011 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của TTC Attapeu đặt tại số 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu đường; trồng cây mía, cao su, cây lấy dầu, cây hàng năm khác; sản xuất truyền tải và phân phối điện; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

**Đầu tư chứng khoán dài hạn
 vào công ty khác bao gồm:**

	30/09/2017		30/06/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
• Đầu tư dài hạn khác	-	770.062.387	-	770.062.387
	-	770.062.387	-	770.062.387
• Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(770.062.387)	-	(770.062.387)
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-

Biến động đầu tư ngắn hạn và dài hạn trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	30/09/2017 VND	30/06/2017 VND	30/09/2017 VND	30/06/2017 VND
Số dư đầu năm	69.379.966.906	-	2.517.139.886.362	1.690.701.639.306
Tăng đầu tư trong kỳ	81.056.445.140	114.744.010.271	9.206.061.271.500	1.085.605.279.975
Thanh lý	(61.913.949.149)	(45.364.043.365)	(55.000.000.000)	(192.162.065.236)
Chuyển đổi mục đích đầu tư	-	67.004.967.683	-	(67.004.967.683)
Thu hồi các khoản đầu tư trong kỳ	-	(67.004.967.683)	-	-
Số dư cuối kỳ	88.522.462.897	69.379.966.906	11.668.201.157.862	2.517.139.886.362

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	30/09/2017	30/06/2017	30/09/2017	30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	1.643.741.981	-	2.313.139.271	965.170.794
Trích lập trong kỳ		1.643.741.981	917.500.288	1.511.904.239
Hoàn nhập trong kỳ	(1.369.402.059)	-		(163.935.762)
Số dư cuối kỳ	274.339.922	1.643.741.981	3.230.639.559	2.313.139.271

14. Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2017	30/06/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	35.654.264.372	33.760.640.478
Tăng trong kỳ	36.870.312.867	4.678.757.086
Chuyển từ CP XDCB qua	150.000.000	2.363.126.427
Phân bổ trong kỳ	(2.342.880.807)	(5.148.259.619)
Số dư cuối kỳ	70.331.696.432	35.654.264.372

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí phải trả.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

16. Vay ngắn hạn

	30/09/2017	30/06/2017
	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.121.688.758.218	2.065.774.296.025
Vay dài hạn đến hạn trả	169.262.808.666	157.496.342.000
Số dư cuối kỳ	<u>2.290.951.566.884</u>	<u>2.223.270.638.025</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay từ các bên liên quan</i>	<i>184.386.342.000</i>	<i>184.386.342.000</i>
<i>Vay từ các bên khác</i>	<i>2.106.565.224.884</i>	<i>2.038.884.296.025</i>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau

Ngân hàng	Tiền tệ	30/09/2017	30/06/2017	Thuyết minh
		VND	VND	
• Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	VND	32.512.871.896	36.329.051.654	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ VND (30/06/2017: 200 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu với giá trị 100 tỷ VND và tín chấp 100 tỷ.</i>
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	VND	106.499.090.399	224.209.631.087	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 20 triệu USD (30/06/2017: 20 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị lần lượt là 9.375.000 USD và 9.375.000 USD.</i>
• Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam-CN Tây Ninh	VND	159.914.060.161	158.204.832.898	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 160 tỷ VND (30/06/2017: 160 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị lần lượt là 150 tỷ VND và 50 tỷ VND.</i>
• Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	VND	59.995.095.400	60.000.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60 tỷ VND (30/06/2017: 60 tỷ VND). Khoản vay này không được đảm bảo.</i>
• Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Đông Sài Gòn	VND	99.919.609.015	42.459.536.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2017: 100 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị là 143,75 tỷ VND</i>
• Ngân hàng Natixis – CN Hồ Chí Minh	VND	136.313.192.416	102.795.707.861	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 6 triệu USD(30/06/2017: 6 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và/ hoặc các khoản phải thu với giá trị là 6,6 triệu USD.</i>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

• Ngân hàng ACB Tân Thuận	VND	27.900.000.000	100.000.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND (30/06/2017: 150 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu với giá trị là 200 tỷ VND</i>
• Ngân hàng Malayan Banking Berhad	VND	162.929.083.952	103.133.541.088	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10 triệu USD (30/06/2017: 10 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị lần lượt là 5 triệu USD và 5 triệu USD.</i>
• Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Gia Định	VND	99.991.500.000	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 250 tỷ VND (30/06/2017: 250 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo một phần, trong đó 100 tỷ không được đảm bảo.</i>
• Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam	VND	99.315.396.371	99.315.396.371	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2017: 100 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị là 143 tỷ VND</i>
• Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	VND	-	37.500.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND (30/06/2017: 150 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị lần lượt là 75 tỷ VND và 75 tỷ VND.</i>
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	486.965.016.074	498.682.653.608	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 500 tỷ VND (30/06/2017: 500 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng 93.688 m² quyền sử dụng đất tại Tân Kim, Long An; quyền sử dụng 11.860,9m² đất thương mại dịch vụ và tài sản gắn liền với đất là trung tâm thương mại – trung tâm hội nghị và tiệc cưới tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 10, phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.</i>
• Công ty CP Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công	VND	182.000.000.000	182.000.000.000	<i>Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 182 tỷ VND (30/06/2017: 182 tỷ VND)</i>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

• Ngân hàng Mizuho Hà Nội	VND	219.960.150.376	219.960.150.376,00	<i>Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 220 tỷ VND (30/06/2017: 220 tỷ VND).</i>
• Ngân hàng Phát Triển Tây Ninh	VND	-	15.000.000.000,00	<i>Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2017: 100 tỷ VND).</i>
• Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai	VND	145.000.000.000	20.000.000.000,00	<i>Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND (30/06/2017: 150 tỷ VND).</i>
• Ngân hàng TMCP Tiên Phong Bình Dương	VND	-	29.297.000.000,00	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2017: 100 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị phần vốn góp tại TTCS Gia Lai 136,6 tỷ.</i>
• Ngân hàng DBS Bank Ltd. TP.HCM	VND	89.344.686.475	136.886.795.082,00	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 11 triệu USD (30/06/2017: 11 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị lần lượt là 5,5 triệu USD và 5,5 triệu USD.</i>
• Công ty cổ phần chứng TP.HCM	VND	13.129.005.683	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 50 tỷ VND (30/06/2017: 0 tỷ VND). Tài sản đảm bảo là toàn bộ số dư tiền và chứng khoán có trong tài khoản HSC).</i>
		2.121.688.758.218	2.065.774.296.025	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

17. Phải trả người bán ngắn hạn:

	30/09/2017	30/06/2017
	VND	VND
Phải trả bên khác	26.233.912.687	45.671.031.094
Phải trả các bên liên quan	69.716.309.894	77.623.266.992
Số dư cuối kỳ	95.950.222.581	123.294.298.086

18. Người mua trả tiền trước

	30/09/2017	30/06/2017
	VND	VND
Khách hàng ứng trước	2.303.022.591	2.140.992.514
Các bên liên quan ứng trước	24.281.361.618	15.092.305.831
Số dư cuối kỳ	26.584.384.209	17.233.298.345

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Phải trả

	30/09/2017	30/06/2017
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	18.069.444.382	9.403.714.559
Thuế Giá trị gia tăng	13.212.658.716	2.660.201.884
Thuế Thu nhập cá nhân	127.335.486	477.963.930
	31.409.438.584	12.541.880.373

Phải thu

	30/09/2017	30/06/2017
	VND	VND
Thuế GTGT & thuế nhập khẩu SXXK	67.654.378.107	67.654.378.107
	67.654.378.107	67.654.378.107

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

20. Chi phí phải trả

Ngắn hạn

	30/09/2017	30/06/2017
	VND	VND
Phí vận chuyển đường thành phẩm	2.969.728.625	1.735.512.434
Chi phí lãi vay/lãi chậm trả	54.346.279.168	13.689.301.655
Chi phí đường phân bổ		-
Lương tháng 13	1.072.678.944	-
Chi phí mua nguyên vật liệu	4.744.220.297	9.680.034.780
Chênh lệch tỷ giá phải trả		-
Chi phí khác	13.393.859.707	14.698.674.282
	76.526.766.741	39.803.523.151

Trong đó:

<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>3.972.501.422</i>	<i>3.259.062.474</i>
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	<i>72.554.265.319</i>	<i>36.544.460.677</i>

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Ngắn hạn

	30/09/2017	30/06/2017
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và thu hoạch mía phải trả	1.722.216.353	2.033.987.692
Phải trả cho Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh	1.200.000.000	1.200.000.000
Cổ tức phải trả	425.670.915	432.034.015
Doanh thu chưa thực hiện	4.916.050.497	3.466.732.320
Phải trả cán bộ nhân viên	159.449.169	135.630.869
Ký quỹ, ký cược	1.232.260.200	641.102.840
Khác	762.606.478	552.512.123
	10.418.253.612	8.461.999.859

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Trong đó

<i>Phải trả các bên liên quan</i>	1.200.000.000	1.215.192.309
<i>Phải trả các bên khác</i>	9.218.253.612	7.246.807.550

Dài hạn

	30/09/2017	30/06/2017
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện	22.174.556.254	15.600.295.440
	22.174.556.254	15.600.295.440

22. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	30/09/2017	30/06/2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	11.958.470.078	17.015.822.679
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối		35.065.727.968
Sử dụng quỹ	(1.616.634.228)	(40.123.080.569)
Số dư cuối kỳ	10.341.835.850	11.958.470.078

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

23. Vay dài hạn

	30/09/2017	30/06/2017
	VND	VND
Vay dài hạn	1.353.704.585.134	1.334.825.824.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(169.262.808.666)	(157.496.342.000)
	<u>1.184.441.776.468</u>	<u>1.177.329.482.000</u>
<i>Trong đó</i>		
<i>Vay từ các bên liên quan</i>	<i>4.772.682.000</i>	<i>4.772.682.000</i>
<i>Vay từ các bên khác</i>	<i>1.179.669.094.468</i>	<i>1.172.556.800.000</i>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Ngân hàng	Tiền tệ	30/09/2017 VND	30/06/2017 VND	Thuyết minh
Vay dài hạn không được đảm bảo:				
Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh	VND	7.159.024.000	7.159.024.000	<i>Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36 tỷ VND (30/06/2016: 36 tỷ VND). Số dư 7.159.024.000 VND của khoản vay này được hoàn trả trong 6 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1,193 tỷ VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.</i>
Vay dài hạn được đảm bảo:				
Ngân hàng công thương Tây Ninh	VND	47.000.000	90.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 47 triệu VND (30/06/2017: 90 triệu VND). Số dư 47 triệu VND của khoản vay này được hoàn trả vào ngày 14 tháng 11 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1.000 m² quyền sử dụng đất tại xã Thạnh Tây, Tân Biên, Tây Ninh và 3 chiếc máy kéo với giá trị thế chấp lần lượt là 654 triệu và 2,874 tỷ.</i>
Ngân hàng công thương Tây Ninh	VND	793.000.000	1.057.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 793 triệu VND (30/06/2017: 1,057 tỷ VND). Số dư 793 triệu VND của khoản vay này được hoàn trả trong 03 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 264 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 23 tháng 09 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1.000 m² quyền sử dụng đất tại xã Thạnh Tây, Tân Biên, Tây Ninh và 3 chiếc máy kéo với giá trị thế chấp lần lượt là 654 triệu và 2,874 tỷ.</i>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Ngân hàng công thương Tây Ninh	VND	2.725.000.000	2.725.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2,725 tỷ VND (30/06/2017: 2,725 tỷ VND). Số dư 2,725 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 7 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 389 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 30 tháng 03 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng 5 chiếc máy kéo với giá trị thế chấp là 6,873 tỷ.</i>
Ngân hàng công thương Tây Ninh	VND	2.418.500.000	2.764.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2,4185 tỷ VND (30/06/2017: 2,764 tỷ VND). Số dư 2,4185 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 7 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 345,5 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 20 tháng 04 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1 máy thu hoạch mía với giá trị thế chấp là 5,127 tỷ.</i>
Ngân hàng công thương Tây Ninh	VND	5.093.000.000	5.556.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5,093 tỷ VND (30/06/2017: 5,556 tỷ VND). Số dư 5,093 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 11 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 463 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 15 tháng 05 năm 2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1 máy thu hoạch mía với giá trị thế chấp là 7,938 tỷ.</i>
Ngân hàng công thương Tây Ninh	VND	5.197.000.000	5.672.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5,197 tỷ VND (30/06/2017: 5,672 tỷ VND). Số dư 5,197 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 11 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 475 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 21 tháng 06 năm 2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng 5 máy kéo với giá trị thế chấp là 8,104 tỷ.</i>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Ngân hàng công thương Tây Ninh	VND	2.689.000.000	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2,689 tỷ VND (30/06/2017: 0 tỷ VND). Số dư 2,689 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 12 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 224 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 22 tháng 09 năm 2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng 4 Máy kéo John Deere với giá trị thế chấp là 3,842 tỷ.</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	16.892.877.800	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2017: 0 tỷ VND). Số dư của khoản vay này được hoàn trả trong 14 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 7 tỷ VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 12 tháng 09 năm 2024. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án "Đầu tư bổ sung và cải tạo Trung tâm nhiệt điện".</i>
Trái phiếu phát hành	VND	890.320.000.000	889.660.000.000	<i>Gói trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, bằng đồng Việt Nam ("đồng), với tổng mệnh giá 1.000 tỷ đồng, được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản máy móc thiết bị, nhà xưởng, quyền sử dụng 32 ha đất tọa lạc tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và một phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai (30/06/2017: 900 tỷ VND). Thời điểm mua lại và giá trị mua lại sau ngày phát hành tương ứng bao gồm: Ngày tròn 12 tháng đầu, tối thiểu 10% tổng mệnh giá trái phiếu; Ngày tròn 24 tháng, tối thiểu 15% tổng mệnh giá trái phiếu; Ngày tròn 36 tháng, tối thiểu 25% tổng mệnh giá trái phiếu; Ngày tròn 48 tháng, tối thiểu 25% tổng mệnh giá trái phiếu; Ngày tròn 60 tháng, toàn bộ số trái phiếu đang lưu hành và chưa được thanh toán tại ngày đáo hạn</i>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Trái phiếu phát hành	VND	420.370.183.334	420.142.800.000
		<hr/>	<hr/>
		1.353.704.585.134	1.334.825.824.000

Gửi trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, bằng đồng Việt Nam (“đồng”), với tổng mệnh giá 425,6 tỷ đồng, được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản máy móc thiết bị, nhà xưởng, công trình xây dựng, quyền thuê 51 ha đất và 2.723,9 ha đất bao gồm cả nhà máy đường công suất 7.000 tấn mía cây/ ngày, nhà máy nhiệt điện công suất 30MW, nhà máy sản xuất phân vi sinh tại tỉnh Attapeu Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và 40% tổng số vốn góp đã phát hành (30/06/2017: 425,6 tỷ VND). Thời điểm mua lại và giá trị mua lại sau ngày phát hành tương ứng bao gồm 5 kỳ: 10% kỳ 1, 10% kỳ 2, 20% kỳ 3, 30% kỳ 4, 30% kỳ 5, bắt đầu từ ngày 23/06/2019 và kết thúc vào ngày 23/06/2023.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu :

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01 tháng 07 năm 2016	1.947.610.330.000	155.174.403.823	(40.306.862.293)	243.709.260.201	395.419.469.546	2.701.606.601.277
Tăng vốn trong năm	467.415.730.000	(146.070.770.000)		(233.713.240.000)	(87.631.720.000)	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	66.790.560.242	40.306.862.293	-	-	107.097.422.535
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	306.462.212.896	306.462.212.896
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	29.221.439.973	(64.287.167.941)	(35.065.727.968)
Cổ tức	116.856.620.000	-	-	-	(116.856.620.000)	-
Số dư tại ngày 01 tháng 07 năm 2017	2.531.882.680.000	75.894.194.065	-	39.217.460.174	433.106.174.501	3.080.100.508.740
Tăng vốn trong năm	3.038.304.050.000	6.167.151.721.500				9.205.455.771.500
Lợi nhuận thuần trong năm					77.391.197.337	77.391.197.337
Số dư tại ngày 30 tháng 09 năm 2017	5.570.186.730.000	6.243.045.915.565	-	39.217.460.174	510.497.371.838	12.362.947.477.577

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/09/2017		30/06/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	557.018.673	5.570.186.730.000	253.188.268	2.531.882.680.000
Cổ phiếu quỹ – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	557.018.673	5.570.186.730.000	253.188.268	2.531.882.680.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động cổ phiếu quỹ trong kỳ:

	Giai đoạn từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND	Giai đoạn từ 01/07/2016 đến 30/06/2017 VND
Số dư đầu năm	-	40.306.862.293
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	(40.306.862.293)
Số dư cuối kỳ	-	-

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Biến động số lượng vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND	Giai đoạn từ 01/07/2016 đến 30/06/2017 VND
Số dư đầu năm	253.188.268	191.492.193
Cổ phiếu quỹ	-	3.268.840
Chi cổ tức bằng cổ phiếu	-	11.685.662
Tăng vốn cổ phần trong năm	303.830.405	46.741.573
Số dư cuối kỳ	557.018.673	253.188.268

26. Cổ tức

Trong giai đoạn 01/07/2017 đến 30/09/2017 Công ty không có chi cổ tức

27. Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

28. Doanh thu

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu	1.026.817.840.077	842.540.809.289
Bán đường	1.007.104.793.166	751.701.494.726
Bán mật đường	4.493.217.142	13.249.142.861
Bán điện	-	1.031.550.909
Phân bón hoạt động nông nghiệp	6.088.033.000	7.566.160.650
Bán hàng hoá bất động sản	-	68.050.509.895
Khác	9.131.796.769	941.950.248
	1.026.817.840.077	842.540.809.289
Giảm giá hàng bán	(945.711.140)	(24.641.775)
Doanh thu thuần	1.025.872.128.937	842.516.167.514

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

29. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn đường	908.673.472.860	648.340.519.517
Giá vốn mật đường	3.860.082.000	12.520.440.000
Giá vốn điện	0	1.267.601.837
Phân bón hoạt động nông nghiệp	6.138.600.568	7.428.305.777
Giá vốn hàng hoá bất động sản	0	49.231.049.895
Khác	5.666.057.090	932.053.098
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
	924.338.212.518	719.719.970.124

30. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.764.057.032	1.976.494.332
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	296.647.276	63.369.407
Chi phí khấu hao TSCĐ	136.548.852	49.319.561
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.686.933.937	6.477.061.592
Chi phí bằng tiền khác	443.642.780	1.443.729.237
	16.327.829.877	10.009.974.129

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý chung	11.077.187.385	11.959.062.744
Chi phí vật liệu quản lý		450.028
Công cụ, dụng cụ đồ dùng văn phòng	238.939.617	816.347.085
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.734.014.445	1.417.314.381
Thuế, phí và lệ phí	102.066.611	28.355.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.636.930.833	3.698.562.983
Chi phí bằng tiền khác	3.841.839.566	9.043.776.792
Chi phí dự phòng	-2.310.858.642	-
	19.320.119.815	26.963.869.727

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	4.952.496.988	3.108.681.847
Lãi ứng trước tiền hàng & cho các công ty vay	9.904.937.110	15.983.061.077
Cổ tức	604.800.000	1.857.830.000
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	27.081.765	1.280.180.809
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	314.454.270	797.456.639
Lãi hoạt động đầu tư chứng khoán	82.912.638.792	53.970.660.402
	98.716.408.925	76.997.870.774

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

33. Chi phí tài chính

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	62.005.830.851	40.177.811.707
Hoàn nhập/ trích lập dự phòng	(451.901.771)	5.316.667.667
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	959.026.532	633.891.459
Hoạt động đầu tư chứng khoán	180.551.252	-
Khác	6.288.647.718	660.000.000
	68.982.154.582	46.788.370.833

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	18.411.616.382	14.711.846.003
	18.411.616.382	14.711.846.003
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	-
	18.411.616.382	14.711.846.003

35. Giải trình biến động kết quả hoạt động kinh doanh:

Biến động giảm lợi nhuận 17% so cùng kỳ niên độ trước chủ yếu là do biến động giá đường thế giới giảm trong thời gian qua. Cụ thể hai nguyên nhân chính ảnh hưởng giảm lợi nhuận so với cùng kỳ như: sau :

- Giá vốn đường xuất khẩu tăng 10% do giá nguyên liệu thô nhập khẩu cao hơn cùng kỳ niên độ trước
- Giá bán xuất khẩu so cùng kỳ niên độ trước giảm 15% .

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ từ ngày 01/07 đến 30/09 Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Tên công ty	Giai đoạn 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công		
Bán thành phẩm	166.248.437.142	66.860.866.670
Lãi ứng trước tiền hàng + lãi cho vay	-	451.859.916
Mua dịch vụ	1.366.768.026	260.446.859
Mua hàng hóa	36.590.909	598.162.326
Cung cấp dịch vụ	-	7.007.273
Công ty CP Thương mại Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	519.615.236	32.390.149.762
Lãi vay + lãi ứng trước tiền hàng	3.648.540.204	6.613.873.664
Cung cấp dịch vụ	65.454.546	65.454.546
Mua hàng hóa	20.386.435.000	-
Mua dịch vụ	4.908.694.020	637.087.800
Cho vay		
Công ty CP Global Mind Việt Nam		
Lãi ứng trước tiền hàng + lãi cho vay	1.723.413.037	3.121.337.029
Mua hàng hóa	24.938.021.364	5.728.694.400
Công ty CP Đường Nước Trong		
Bán hàng hoá	307.805.627	
Mua mía nguyên liệu	-	716.573.000
Mua hàng hóa	17.367.113.618	35.675.000.000
Cung cấp dịch vụ	256.100.000	-
Lãi vay + lãi ứng trước tiền hàng	314.719.999	-
Cổ tức		
Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hoà - Đồng Nai		

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Bán hàng hóa	35.895.328.571	85.896.791.377
Lãi vay + lãi ứng trước tiền hàng	1.412.220.869	-
Cung cấp dịch vụ	106.716.000	5.837.273
Nhân dịch vụ	81.174.800	125.560.000
Thanh lý TSCĐ	1.156.415.229	-
Mua mía nguyên liệu	-	25.576.167.227
Công ty CP NC UDMĐ Thành Thành Công		
Mua dịch vụ	-	21.000.000
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai (SEC)		
Mua dịch vụ	-	30.000.000
Bán hàng hóa		317.142.857
Mua đường hàng hóa	40.685.000.000	89.211.039.912
Lãi ứng trước tiền hàng + lãi cho vay	951.594.978	-
Chi phí vay	1.478.763.888	-
Vay	137.000.000.000	-
Trả nợ vay	12.000.000.000	-
Công ty CP Mía đường Tây Ninh		
Mua hàng hóa	138.055.000	12.098.238.477
Thu nhập lãi vay	248.527.776	224.444.442
Chi phí vay	84.524.211	-
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	547.892.217	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre		
Mua hàng hóa	295.400.000	34.403.247.584
Bán hàng hóa	-	218.662.500
Thu nhập lãi vay	-	1.219.501.112
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa		
Mua nguyên liệu	-	443.929.500
Mua hàng hoá	91.981.250.000	30.414.538.095

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Công ty Cổ phần Giao dịch hàng hóa Sơn Tín

Mua hàng hóa	18.954.700.000	-
Thu nhập lãi vay	1.719.478.872	2.598.661.320

Công Ty TNHH Mía Đường Thành Thành Công Attapeu

Thu nhập lãi vay	61.333.334	-
------------------	------------	---

Công Ty TNHH MTV Nước Míaqua

Bán hàng hoá	887.059.345	-
--------------	-------------	---

Công Ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu

Bán hàng hoá	891.558.899	-
--------------	-------------	---

Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh

Mua dịch vụ	236.358.900	-
-------------	-------------	---

Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng

Mua nguyên liệu	-	16.086.699.939
-----------------	---	----------------

Công ty cổ phần Mía đường Biên Hòa - Phan Rang

Mua hàng hoá	2.366.765.714	3.026.753.564
--------------	---------------	---------------

Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd

Bán hàng hoá	93.551.034.500	150.353.058.230
--------------	----------------	-----------------

Công ty TNHH MTV Hải Vi

Cung cấp dịch vụ	1.755.797.154	-
------------------	---------------	---

Công ty Cổ phần Sản xuất-Thương mại Bao Bì Thành Thành Công

Mua hàng hóa	431.457.900	178.377.166
--------------	-------------	-------------

Công ty CP Thương mại xuất nhập khẩu Biên Hoà

Mua hàng hoá	473.854.155	-
--------------	-------------	---

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Vào ngày kết thúc Quý 1 niên độ 2017-2018, các khoản phải thu và phải trả của các bên liên quan như sau:

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Công ty	Giao dịch	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	Bán hàng hoá	168.000.000.000	-
Công ty CP Thương mại Thành Thành Công	Bán hàng hóa	-	4.525.001
	Cung cấp dịch vụ	26.978.500	48.000.000
Công ty CP Đường Nước Trong	Bán hàng hoá	1.032.924.087	-
Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hoà - Đồng Nai	Bán hàng hoá	8.968.678.084	5.997.485.332
Công ty CP NC UDMĐ Thành Thành Công	Cung cấp dịch vụ	264.000.000	264.000.000
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai (SEC)	Bán tài sản	-	365.954.964
	Cung cấp dịch vụ	169.723.125	169.723.125
Công ty CP Mía đường Tây Ninh	Cung cấp dịch vụ	420.000.000	420.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bán hàng hoá	-	45.622.500
Công ty TNHH Mía đường Thành Thành Công Attapeu	Bán hàng hóa	7.261.165.198	7.261.165.198

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Công Ty TNHH MTV Nước Míaqua	Bán hàng hóa	413.829.875	332.559.506
Công Ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu	Bán hàng hóa	75.508.151.354	74.847.434.386
Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Bán hàng hóa	69.016.956.486	59.156.583.419
Công ty TNHH MTV Hải Vi	Cung cấp dịch vụ	6.156.236.478	4.096.638.534
	Bán hàng hóa	-	318.505.825
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Mua nguyên liệu	306.167.140	306.167.140

Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty	Giao dịch	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
Công ty CP Thương mại Thành Thành Công	Mua nguyên liệu	307.064.243.250	157.687.000.000
Công ty CP Global Mind Việt Nam	Mua nguyên liệu	21.405.055.440	98.146.384.605
Công ty CP Đường Nước Trong	Mua hàng hoá	19.343.500.001	-
Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hoà - Đồng Nai	Mua hàng hoá	98.973.838.800	5.156.829.000
Công ty CP NC UDMĐ Thành Thành Công	Mua hàng hoá	727.733.110	-
	Mua dịch vụ	-	-

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

597.795.610

Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai (SEC)	Mua hàng hoá	134.566.250.000	-
Công ty Cổ phần Giao dịch hàng hóa Sơn Tín	Mua hàng hoá	82.070.000.000	52.722.834.951
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Mua nguyên liệu	28.854.087.700	20.015.194.100
Công ty TNHH MTV Hải Vi	Mua dịch vụ	3.827.742.470	2.122.804.295
	Mua nguyên liệu	-	2.450.466.821
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Mua dịch vụ	126.800.000	126.800.000

Phải thu ngắn hạn khác

Công ty	Giao dịch	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	Thu nhập lãi vay	-	55.416.667
Công ty CP Thương mại Thành Thành Công	Thu nhập lãi vay	2.494.824.204	1.554.001.111
Công ty CP Global Mind Việt Nam	Thu nhập lãi vay	2.430.037.743	706.624.705
Công ty CP Đường Nước Trong	Thu nhập lãi vay	314.719.999	-
Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hoà - Đồng Nai	Thu nhập lãi vay		-

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

		870.259.065	
	Chi hộ	-	131.580.000
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai (SEC)	Thu nhập lãi vay	951.594.978	-
Công ty CP Mía đường Tây Ninh	Thu nhập lãi vay	81.041.667	105.041.667
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Trả hộ	-	57.430.442
Công ty Cổ phần Giao dịch hàng hóa Sơn Tín	Thu nhập lãi vay	2.199.506.102	480.027.230
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công	Chi hộ	28.704.711	-
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Thu nhập lãi vay	40.666.667	821.360.146
Công ty TNHH MTV Hải Vi	Chi hộ	3.760.658.600	2.973.460.912
Công ty TNHH MTV Mía đường Svayrieng	Lợi nhuận được chia	7.288.838.895	7.288.838.895
	Chi hộ	1.739.692.627	1.568.832.139
Công ty TNHH Mía đường Thành Thành Công Attapeu	Thu nhập lãi vay	141.333.335	120.666.668
	Trả hộ	-	11.552.762

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Phải thu cho vay ngắn hạn

Công ty	Giao dịch	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
Công ty CP Mía đường Tây Ninh	Cho vay	12.000.000.000	12.000.000.000
Công Ty TNHH Mía Đường Thành Thành Công Attapeu	Cho vay	3.000.000.000	3.000.000.000

Phải trả người bán ngắn hạn

Công ty	Giao dịch	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	Mua dịch vụ	3.786.398.000	6.345.428.192
Công ty CP Global Mind Việt Nam	Mua nguyên liệu	22.134.798.400	2.461.183.000
Công ty CP Đường Nước Trong	Mua hàng hoá	2.903.969.300	675.000.000
Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hoà - Đồng Nai	Mua mía	100.683.000	36.485.745.606
Công ty CP NC UDMĐ Thành Thành Công	Mua mía	31.363.500	31.363.500
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai (SEC)	Mua hàng hoá	-	8.190.000.000
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Mua hàng hoá	38.338.125.000	21.006.825.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công	Cung cấp dịch vụ	1.367.721.693	1.367.721.693

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Công ty cổ phần Mía đường Biên Hòa - Phan Rang	Mua hàng hóa	1.016.324.001	1.060.000.001
Công ty TNHH MTV Hải Vi	Mua dịch vụ	36.927.000	-

Phải trả vay

Công ty	Giao dịch	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai (SEC)	Vay	145.000.000.000	20.000.000.000
Công ty CP Mía đường Tây Ninh	Vay	7.159.024.000	7.159.024.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công	Vay	182.000.000.000	182.000.000.000

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Công ty	Giao dịch	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	Bán hàng hoá	4.401.892.000	10.958.320.000
Công ty CP Thương mại Thành Thành Công	Bán hàng hoá	348.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Thuận Thiên	Bán hàng hoá	-	99.149.707
Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hoà - Đồng Nai	Bán hàng hoá	18.309.649.618	1.280.449.618

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Công ty CP Mía đường Tây Ninh	Cung cấp dịch vụ	7.820.000	7.820.000
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Cung cấp dịch vụ	1.214.000.000	1.214.000.000
Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Bán hàng hóa	-	1.532.566.506

Phải trả ngắn hạn khác

Công ty	Giao dịch	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
Công ty CP Mía đường Tây Ninh	Phải trả về hợp tác kinh doanh	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công	Chi hộ	-	14.143.000
Công ty Cổ phần Nghiên Cứu và Ứng Dụng Mía Đường Thành Thành Công	Phải trả nông dân khác	-	1.049.309

Chi phí phải trả

Công ty	Giao dịch	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
Công ty CP Thương mại Thành Thành Công	Nhận dịch vụ	679.754.250	1.061.596.000
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	Nhận dịch vụ	63.706.300	-
Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	Nhận dịch vụ	811.612.496	-
Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai	Chi phí lãi vay	1.058.486.111	654.736.111

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - quý 1 niên độ từ ngày 01/07/2017 đến 30/06/2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Chi phí lãi vay	158.942.265	74.418.054
Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd	Mua dịch vụ	-	253.120.000
Ký cược – ký quỹ			
Công ty	Giao dịch	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
Công ty CP Thương mại Thành Thành Công	Mua dịch vụ	1.055.496.000	1.055.496.000

Lập bảng



Đặng Thị Diễm Trinh

Kế Toán Trưởng



Lê Phát Tín

Ngày 06 tháng 11 năm 2017

Người duyệt
Phó Tổng Giám Đốc



Phan Quế Trang